TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1117/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn giữa chị A và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phan Minh Thanh
Bà Trần Thị Mai Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2017/HNST ngày 14 tháng 02 năm 2017 về việc tranh chấp "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1631/2017/QĐXX-DS ngày 31 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1039/2017/QĐST-HN ngày 05 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị A, sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: Khu phố D, phường V, thị xã S (cũ là Đội D, xã V, huyện X), tỉnh Thanh Hóa; Tạm trú: Đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 06, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; Nơi cư trú cuối cùng: Đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Ngô Thị A trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến T tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện X, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 23 tháng 11 năm 2012 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01-2012. Trong quá trình chung sống, chị và anh T không có con chung. Sau

đó, chị và anh T vào Thành phố Hồ Chí Minh thuê nhà tại Đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và đi làm. Hạnh phúc gia đình kéo dài đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T cờ bạc, gây nợ nần và thường xuyên đánh chị. Ngày 25/10/2013, anh T bỏ nhà đi, chị đã hỏi thăm gia đình bạn bè tìm kiếm anh T nhưng không có tin tức gì. Chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận G tuyên bố anh T mất tích và ngày 20/01/2017, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 33/2017/QĐST-DS tuyên bố ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1987, nơi cư trú cuối cùng: Đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh mất tích, vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung : Chị A khai không có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A tự khai không có.

- Tòa án đã tiến hành xác minh và tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cho anh T đến Tòa án để lấy lời khai, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa hôm nay:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Ngô Thị A vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

Về con chung: Chị A tự khai không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị A tự khai là không có.

A Nguyễn Tiến T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án, như về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tiến hành phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71; Bị đơn chưa

thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

* Về nội dung :

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Chị Ngô Thị A được ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

- Về con chung: Không có

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xét.

- Chị A chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn Chị Ngô Thị A khởi kiện bị đơn anh Nguyễn Tiến T có nơi cư trú cuối cùng tại số Đường Q, Phường M, quận G, thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Tiến T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2].Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 92, quyển số 01-2012 ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện X, tỉnh Thanh Hóa cấp cho Chị A và anh T thì hôn nhân của Chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Tiến T là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị A xin ly hôn với anh T vì chị cho rằng anh T cờ bạc, gây nợ nần và thường xuyên đánh chị, tháng 10/2013, anh T bỏ nhà đi, chị đã hỏi thăm gia đình bạn bè tìm kiếm anh T nhưng không có tin tức gì. Chị A đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Chị đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích anh T. Giữa chị và anh T không có hạnh phúc, cả hai không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, tin tưởng lẫn nhau. Mặt khác chị và anh T đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay do anh T bỏ đi từ tháng 10/2013, vì vậy căn cứ Điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chị A có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Căn cứ vào biên bản trả lời xác minh theo phiếu yêu cầu xác minh ngày 20/3/2017 của Hội liên hiệp Phụ nữ phường M, quận G thì chị A và anh T có

chung sống tại địa đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh sau năm 2014 thì chị A và anh T không còn ở địa chỉ này nên chưa xác minh được tình trạng hôn nhân.

Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định số 33/2017/QĐST-DS tuyên bố ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1987, nơi cư trú cuối cùng: Đường Q, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh mất tích. Căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định ly hôn theo yêu cầu một bên thì "Trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn".

Căn cứ theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Chị A và anh T hiện nay không còn sống chung với nhau, đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay và anh T tự động bỏ đi chứng tỏ anh T là người có lỗi trong việc không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Anh T cũng không đến Tòa án ghi lời khai, hòa giải đoàn tụ mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mục đích hôn nhân giữa Chị A và anh T không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

Về con chung: Chị A tự khai là không có, tuy nhiên do Tòa án không lấy được lời khai của anh T vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị A về con chung không có. Nếu sau này có tranh chấp về con chung thì sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A tự khai không có và Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh T nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến chị A về tài sản chung và nợ chung là không có. Nếu sau này nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị A tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số 0017788 ngày 14/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Chị A đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 202, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227,

khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 có hiệu lực ngày 01/7/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Tiến T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số: số 92, quyển số 01-2012 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện X, tỉnh Thanh Hóa cấp cho chị Ngô Thị A và anh Nguyễn Tiến T vào ngày 23 tháng 11 năm 2012 không còn giá trị pháp lý) .

2.Về con chung: Không có.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Chị A tự khai không có. Nếu sau này nếu có phát sinh tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác

4. Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng Chị A tự nguyện chịu, nhưng được cấn trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0017788 ngày 14/02/2017của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Chị A đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp;
- UBND phường V, TX S, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký và đóng dấu)